

Biểu 03. KẾ HOẠCH ĐƯA ĐẤT CHƯA SỬ DỤNG ĐƯA VÀO SỬ DỤNG NĂM 2023 THÀNH PHỐ TAM ĐIỆP

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /02/2023 của UBND tỉnh Ninh Bình)

Đơn vị tính: ha

STT	Chỉ tiêu	Mã	Tổng diện tích	Diện tích phân theo đơn vị hành chính								
				P. Bắc Sơn	P. Nam Sơn	P. Tân Bình	P. Tây Sơn	P. Trung Sơn	P. Yên Bình	Xã Đông Sơn	Xã Quang Sơn	Xã Yên Sơn
(1)	(2)	(3)	(4) = (5)+ ...+(13)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
1	Đất nông nghiệp	NNP										
	<i>Trong đó:</i>											
1.1	Đất trồng lúa	LUA										
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>LUC</i>										
	Đất trồng lúa nước còn lại	LUK										
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK										
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN										
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH										
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD										
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX										
	<i>Trong đó: đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên</i>	<i>RSN</i>										
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS										
1.9	Đất nông nghiệp khác	NKH										
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	54,06		1,58	0,37	0,01	0,43	1,64	33,44	16,53	0,06
	<i>Trong đó:</i>											
2.1	Đất quốc phòng	CQP	0,56					0,32		0,24		
2.2	Đất an ninh	CAN	0,40						0,40			
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK	13,33								13,33	
2.4	Đất cụm công nghiệp	SKN	1,56		1,55			0,01				
2.5	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	8,88							8,88		
2.6	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC										
2.7	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS	0,38								0,32	0,06
2.8	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	SKX	22,46							20,00	2,46	
2.9	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	5,92		0,03	0,37		0,10	0,68	4,32	0,42	
	<i>Trong đó:</i>											
-	Đất giao thông	DGT	1,39			0,34			0,52	0,27	0,26	
-	Đất thủy lợi	DTL	0,38					0,10	0,13		0,15	
-	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	DVH										
-	Đất xây dựng cơ sở y tế	DYT										
-	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	DGD	0,34							0,34		
-	Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao	DTT										
-	Đất công trình năng lượng	DNL	0,12		0,03	0,03			0,03	0,02	0,01	

